TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2021/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 03 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9 và 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 60/2021/TLST-HNGĐ ngày ngày 03 tháng 11 năm 2021, về việc: *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị Nguyễn Thị Như L sinh năm 1990

Địa chỉ: Số A20, tổ 6, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Anh Dương Ngọc H sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 27/36/75/12/22, đường B, khu phố 5, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Như L và anh Dương Ngọc H tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/11/2012. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình hòa giải, chị L và anh H không đồng ý đoàn tụ mà thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, sự tự nguyện ly hôn của chị L và anh H phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận.

[2] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Như L và anh Dương Ngọc H có một con chung là cháu Dương Gia H1, sinh ngày 23/9/2011. Khi ly hôn, chị L và anh H thỏa thuận giao cháu H1 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh H không cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Việc thỏa thuận nuôi con chung của chị L và anh H phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên công nhận.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị L và anh H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] *Về lệ phí Tòa án*: Chị Nguyễn Thị Như L và anh Dương Ngọc H tự nguyện chịu lệ phí việc dân sự theo quy định.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 25 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Như L và anh Dương Ngọc H.

- *Về con chung:* Giao cháu Dương Gia H1, sinh ngày 23/9/2011 cho chị Nguyễn Thị Như L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm thời anh Dương Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị Như L không yêu cầu.

Anh Dương Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

2. *Về lệ phí Tòa án*: Chị Nguyễn Thị Như L và anh Dương Ngọc H mỗi người tự nguyện chịu số tiền là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự, tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sang nộp lệ phí theo biên lai thu số 0003323 ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Nguyễn Thị Như L và anh Dương Ngọc H đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã X, huyện T;
(GCNKH số 100, quyển số 01/2012)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thùy Trang